

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng
vùng huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù và các quy định của pháp luật có liên quan;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 2416/SXD-QH ngày 13 tháng 4 năm 2022 về việc đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045 (kèm theo Tờ trình số 32/TTr-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2022 của UBND huyện Như Xuân).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045, với nội dung chính sau:

1. Phạm vi và ranh giới lập quy hoạch

- Ranh giới lập quy hoạch bao gồm toàn bộ địa giới hành chính huyện Như Xuân với 16 đơn vị hành chính (01 thị trấn và 15 xã), ranh giới lập quy hoạch cụ thể như sau:

- + Phía Bắc giáp huyện Thường Xuân;
- + Phía Nam giáp tỉnh Nghệ An;
- + Phía Đông giáp huyện Như Thanh;
- + Phía Tây giáp tỉnh Nghệ An.

- Tổng diện tích lập quy hoạch khoảng 72.171,84 ha (721,72km²).

2. Tính chất

- Là huyện miền núi phía Tây Nam của tỉnh Thanh Hóa, cửa ngõ giao thương phía Tây Nam của tỉnh với tỉnh Nghệ An và các tỉnh phía Nam thông qua đường Hồ Chí Minh.

- Là vùng sinh thái thuộc vùng Nam Thanh - Bắc Nghệ và vùng kinh tế động lực phía Nam của tỉnh. Là vùng phát triển nông - lâm nghiệp, du lịch sinh thái cộng đồng gắn với xây dựng nông thôn mới và bảo vệ môi trường sinh thái, bản sắc văn hóa địa phương; phát triển Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - dịch vụ gắn với phát triển đô thị hỗ trợ cho KKT Nghi Sơn.

- Có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ môi trường sinh thái và đa dạng sinh học (vườn Quốc gia Bến En); đảm bảo an ninh - quốc phòng, an sinh xã hội, bản sắc văn hóa của các dân tộc miền núi tỉnh Thanh Hóa.

3. Các dự báo phát triển

- Quy mô dân số:

+ Dân số toàn huyện năm 2020 khoảng 66.827 người, dân số đô thị khoảng 9.047 người, tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 13,5%.

+ Dự báo đến năm 2030, dân số toàn huyện đạt khoảng 75.300 người. dân số đô thị khoảng 16.300 người, tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 21,6%.

+ Dự báo đến năm 2045, dân số toàn huyện đạt khoảng 86.500 người. dân số đô thị khoảng 45.000 người, tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 51,9%.

- Quy mô đất đai

+ Hiện trạng diện tích tự nhiên huyện Như Xuân 72.171,84 ha, trong đó đất xây dựng đô thị khoảng 700ha.

+ Dự báo đất xây dựng đô thị phát triển mới đến năm 2030 khoảng 140ha - 180ha;

+ Dự báo đất xây dựng đô thị phát triển mới đến năm 2045 khoảng 510ha - 640ha.

(Chỉ tiêu trung bình khoảng 200-250m²/người).

4. Định hướng phát triển không gian vùng

4.1. Cấu trúc phát triển không gian vùng

a) Cấu trúc phát triển không gian vùng:

Cấu trúc phát triển không gian vùng theo mô hình “01 hành lang phát triển - 02 trung tâm động lực - 01 dải cảnh quan sinh thái, nông nghiệp, nông thôn”.

- Hình thành hành lang phát triển chính của huyện trên cơ sở các không gian dọc đường Hồ Chí Minh, là vùng có liên kết thuận lợi, nhiều quỹ đất, tập trung đông dân cư và đã hình thành các cơ sở kinh tế xã hội làm nền tảng phát triển.

- Phát triển trọng tâm tại 02 khu vực là thị trấn Yên Cát và đô thị Bãi Trành để tạo động lực phát triển kinh tế xã hội cho toàn huyện.

- Các khu vực còn lại có dạng dải bao quanh dãy núi Bù Mùn là các khoảng không gian nông nghiệp gắn với các điểm dân cư nông thôn và các khu vực sinh thái phát triển du lịch ven núi Bù Mùn.

b) Các phân vùng để kiểm soát quản lý phát triển

Toàn huyện được chia làm 03 phân vùng, bao gồm:

- Vùng trung tâm: Bao gồm thị trấn Yên Cát và 06 xã Thượng Ninh, Cát Tân, Cát Vân, Hóa Quý, Bình Lương, Tân Bình, dân số chiếm khoảng 40% toàn huyện. Trong đó lấy thị trấn Yên Cát là trung tâm. Định hướng là vùng phát triển chủ yếu về công nghiệp, đô thị, thương mại dịch vụ và du lịch.

- Vùng phía Nam: Bao gồm 03 xã Bãi Trành, Xuân Bình, Xuân Hòa, dân số chiếm khoảng 21% toàn huyện. Trong đó lấy đô thị Bãi Trành là trung tâm. Định hướng là vùng phát triển chủ yếu về công nghiệp, kho tàng, nông nghiệp quy mô lớn, theo hướng ứng dụng công nghệ cao.

- Vùng phía Tây: Bao gồm các xã vùng “6 Thanh” là Thanh Quân, Thanh Sơn, Thanh Xuân, Thanh Phong, Thanh Lâm, Thanh Hòa, dân số chiếm khoảng 29% toàn huyện. Trong đó lấy xã Thanh Quân là trung tâm vùng. Định hướng là vùng nông lâm nghiệp, chăn nuôi đại gia súc, giữ gìn hệ sinh thái, du lịch cộng đồng.

4.2. Tổ chức hệ thống đô thị và nông thôn

4.2.1. Hệ thống đô thị

- Giai đoạn 2021-2030: Ổn định hệ thống đô thị trên địa bàn huyện như hiện nay là thị trấn Yên Cát: Quy mô, ranh giới lập quy hoạch được thực hiện theo nhiệm vụ đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2734/QĐ-UBND ngày 13/7/2020. Dân số dự báo đến năm 2030 khoảng 16.300 người, đến năm 2045 khoảng 20.000 người.

- Giai đoạn 2031-2045: Thành lập thị trấn Bãi Trành với diện tích khoảng 6.594ha, trên cơ sở toàn bộ diện tích xã Bãi Trành và Xuân Bình. Dân số dự báo đến năm 2045 khoảng 25.000 người.

4.2.2. Định hướng phát triển khu vực nông thôn và nông nghiệp

a) Các khu vực nông thôn:

- Bao gồm các xã còn lại không nằm trong hệ thống đô thị: được phát triển theo mô hình cụm thôn, bản với các điểm dân cư nông thôn ưu tiên gắn với các khu trung tâm xã, đối với các trung tâm xã chủ yếu ổn định tại vị trí hiện nay.

- Từng bước tạo việc làm, thu hút lao động, chuyển dịch dân cư nông thôn ra thành thị nhằm hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp quy mô lớn hướng tới sản xuất với quy mô công nghiệp.

- Xây dựng các trung tâm cụm xã tại khu vực các xã Thanh Quân, Thanh Xuân, Thượng Ninh, Hóa Quý, Xuân Hòa để phục vụ cho các tiểu vùng, kết hợp bố trí các khu vực thương mại dịch vụ, công nghiệp, trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp như: chuyên doanh bán buôn nông sản và vật tư nông nghiệp, chế biến bảo quản, kho bãi....

b) Định hướng phát triển nông nghiệp:

Thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng Nông thôn mới; phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái dựa trên tiến bộ khoa học và công nghệ; phát huy tiềm năng, lợi thế của từng vùng để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường.

Đẩy mạnh liên kết sản xuất theo chuỗi; khuyến khích thành lập các hợp tác xã, doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp tại địa phương. Tạo điều kiện để các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp.

- Về trồng trọt:

+ Duy trì diện tích cây hàng năm theo kế hoạch trên địa bàn toàn huyện.

+ Thực hiện tích tụ đất đai để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao; chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng giảm diện tích cây hàng năm kém hiệu quả chuyển sang trồng các loại cây khác có hiệu quả kinh tế cao hơn như cây ăn quả, cây dược liệu,... Tập trung phát triển cây ăn quả có múi như cam, bưởi tại các xã Xuân Hòa, Xuân Bình, Bãi Trành; vùng chè nguyên liệu trọng điểm tại các xã Cát Vân, Cát Tân; liên kết sản xuất xoài keo nguyên liệu tại các xã Xuân Bình, Bãi Trành, Xuân Hòa, Hóa Quý, Tân Bình, Bình Lương, Thượng Ninh, TT. Yên Cát và các xã vùng “6 thanh” giai đoạn 2021-2022 và nhân rộng trên toàn huyện đến năm 2025.

+ Phát triển sản xuất nông nghiệp đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, trong đó chú trọng phát triển nông nghiệp hữu cơ để có giá trị gia tăng cao, bền vững, thân thiện môi trường. Xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu các sản phẩm; phát triển các sản phẩm OCOP.

- Về chăn nuôi:

+ Phát triển chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học, bảo vệ môi trường. Thu hút doanh nghiệp đầu tư các trang trại có quy mô lớn, liên kết sản xuất chăn nuôi trang trại. Bên cạnh đó phát triển chăn nuôi nông hộ trên toàn huyện.

+ Đối với đàn trâu, bò, dê: Tiếp tục phát triển ở các xã vùng 6 Thanh, các xã vùng đệm vườn Quốc gia Bến En là nơi có nhiều bãi chăn thả như Tân Bình, Bình Lương và ở một số các xã có điều kiện về đất đai, nguồn thức ăn tận thu từ phụ phẩm nông nghiệp như Thượng Ninh, Xuân Bình, Bãi Trành.

+ Chăn nuôi lợn, gia cầm: Tập trung phát triển chăn nuôi quy mô nông hộ, trang trại quy mô nhỏ và vừa ở các xã như: Xuân Hòa, Thanh Sơn, Thanh Lâm...; chăn nuôi vịt gia công cho tập đoàn Mavin; phát triển chăn nuôi các loại vật nuôi đặc sản như lợn cỏ, lợn mán, lợn lai lòi, vịt bầu Thanh Quân...

- Về thủy sản: Tận dụng khai thác diện tích mặt nước ao, hồ, đập để phát triển nuôi trồng thủy sản; tập trung phát triển nuôi trồng các loại cá truyền thống, cá bản địa; nhân rộng các mô hình nuôi cá lồng theo hướng sản xuất hàng hóa; xây dựng quy chế quản lý và khai thác các nguồn lợi thủy sản tự nhiên từ sông suối.

- Về lâm nghiệp:

+ Đẩy mạnh phát triển trồng rừng gỗ lớn trên địa bàn huyện; tập trung trồng, phát triển các giống keo lấy gỗ và nguyên liệu như keo nuôi cấy mô, keo

úc... và một số loại cây bản địa như luồng, vầu, xoan đào...; xây dựng các vườn ươm cây giống lâm nghiệp ở các xã; hình thành chuỗi từ cây giống, sản xuất đến sơ chế, chế biến lâm sản trên địa bàn huyện. diện tích mỗi vùng lâm nghiệp tập trung có quy mô khoảng hơn 1.000ha, phân bố hầu hết ở các xã trên địa bàn huyện.

+ Phát triển vùng trồng dược liệu ở các xã thuộc vùng đệm vườn Quốc gia Bến En như: Tân Bình, Bình Lương, Hóa Quý, Xuân Hòa, Xuân Bình.

4.3. Phân bố và quy mô các không gian phát triển

4.3.1. Không gian phát triển công nghiệp

- Định hướng đến năm 2045, trên địa bàn huyện hình thành 01 Khu công nghiệp và 05 cụm công nghiệp, tổng diện tích các khu, cụm công nghiệp khoảng 499,7ha, bao gồm:

- Giai đoạn 2021-2030:

+ Khu công nghiệp Bãi Trành: Diện tích khoảng 179,03ha.

+ CCN Thượng Ninh: diện tích khoảng 35ha

+ CCN Xuân Hòa: diện tích khoảng 75ha

+ CCN Bãi Trành: diện tích khoảng 49,7ha.

- Giai đoạn 2031-2045:

+ Mở rộng KCN Bãi Trành lên quy mô khoảng 300ha.

+ CCN Thanh Xuân: diện tích khoảng 30ha.

+ CCN làng nghề Thanh Lâm: diện tích khoảng 10ha.

4.3.2. Không gian phát triển du lịch

a) Các vùng phát triển du lịch:

Không gian phát triển du lịch trên địa bàn huyện Như Xuân được chia làm 04 khu vực phát triển gắn với tiềm năng, thế mạnh, đặc trưng của từng vùng, cụ thể như sau:

- Khu vực phía Đông:

+ Phát triển chủ yếu loại hình du lịch sinh thái, du lịch khám phá trải nghiệm nhằm khai thác giá trị cảnh quan của khu vực hồ Sông Mực và VQG Bến En.

+ Không gian trọng tâm phát triển: các thôn ven hồ Sông Mực thuộc hai xã Tân Bình và Bình Lương, bao gồm các thôn: Thanh Bình, Mai Thắng, Đức Bình (xã Tân Bình) và làng Mài (xã Bình Lương). Không gian hỗ trợ phát triển: các thôn bản lân cận thuộc phạm vi các xã Xuân Bình, Bãi Trành.

- Khu vực phía Tây:

+ Phát triển chủ yếu loại hình du lịch cộng đồng, du lịch khám phá cảnh quan rừng tự nhiên.

+ Không gian trọng tâm: các thôn thuộc thung lũng xã Thanh Quân, bao gồm thôn Thống Nhất, Chiềng Cà, Kẻ Lạn, Thanh Tiến và Thanh Tân. Thôn Tân Hùng xã Thanh Phong. Không gian hỗ trợ phát triển: các thôn bản lân cận thuộc các xã Thanh Sơn, Thanh Phong, Thanh Lâm.

- Khu vực trung tâm:

+ Phát triển chủ yếu loại hình du lịch sinh thái, tâm linh, văn hóa lịch sử, du lịch cộng đồng.

+ Không gian trọng tâm phát triển: Đền thi, làng Trung Thành, Khu du lịch sinh thái tâm linh thiên tự Yên Cát tại thị trấn Yên Cát và các thôn thuộc khu vực danh thắng thác cổng trời và thác Đồng Quan, gồm các thôn Đồng Tâm thôn Thanh Hương, Xuân Hương (xã Hóa Quý). Không gian hỗ trợ phát triển: thôn Trung Thành và các thôn bản lân cận thuộc phạm vi thị trấn Yên Cát, khu vực du lịch sinh thái gắn với cảnh quan khu vực trồng chè tại các xã Cát Vân, Cát Tân.

- Khu vực phía Nam: Bao gồm khu vực các xã Xuân Bình, Bãi Trành, Xuân Hòa, Thanh Hòa. Phát triển các loại hình du lịch mới, nổi bật trên cơ sở khai thác các giá trị đặc trưng của vùng về cảnh quan thiên nhiên, như: Phát triển du lịch nghỉ dưỡng, khám phá hang động tại khu vực hồ Đồng Cầm, hang Kẽm xã Xuân Bình; Phát triển du lịch tham quan nông nghiệp trên cơ sở hình thành các vùng nông nghiệp quy mô lớn tại các xã Xuân Hòa, Bãi Trành, Xuân Bình ưu tiên các loại cây trồng vừa khai thác sản phẩm vừa có thể tạo cảnh quan; Phát triển du lịch khám phá hồ, rừng tại vùng ngập nước của dự án hồ chứa nước Bản Mòng.

b) Các khu chức năng du lịch:

Quy mô các khu chức năng để làm cơ sở lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng các khu du lịch trên địa bàn huyện bao gồm:

- KDLST hồ Đồng Càn - hang Kẽm xã Xuân Bình diện tích khoảng 195ha.
- DLST thác Cổng Trời xã Hóa Quý diện tích khoảng 70ha.
- DLST thác Đồng Quan xã Hóa Quý, diện tích khoảng 50ha.
- DLST thác Sao Va xã Thanh Quân, diện tích khoảng 50ha.
- DLST thác Mơ, xã Thanh lâm, diện tích khoảng 50ha.
- DLST hồ Vân Thượng – Đền Phất xã Cát Vân, diện tích khoảng 50ha.
- Làng văn hóa các dân tộc tại thị trấn Yên Cát, diện tích khoảng 15ha.
- Đình Thi – Làng văn hóa khu phố Trung Thành, thị trấn Yên Cát, diện tích khoảng 50ha.
- Du lịch sinh thái đập Đồng Man, xã Cát tân (gắn với cảnh quan vùng trồng chè).
- Điểm du lịch cộng đồng các thôn Thanh Bình, Mai Thắng, Đức Bình xã Tân Bình và làng Mài xã Bình Lương.
- Khu du lịch sinh thái tâm linh thiền tự Yên Cát tại thị trấn Yên Cát, diện tích khoảng 30ha.
- Du lịch cộng đồng thôn Tân Hùng, xã Thanh Phong, diện tích khoảng 70ha.
- Khu du lịch sinh thái hồ - rừng gắn với hồ thủy điện Bản Mòng (thôn Thanh Sơn xã Thanh Hòa và các thôn lân cận thuộc xã Xuân Hòa).
- Ngoài các khu du, điểm du lịch nêu trên được quy hoạch nhằm thu hút các dự án đầu tư xây dựng, tiếp tục xây dựng các điểm du lịch khác trên địa bàn huyện phục vụ du khách tham quan như: đền Thi, thị trấn Yên Cát, đền Phất, thôn Vân Thượng xã Cát Vân, làng du lịch cộng đồng thôn Trung Thành thị trấn Yên Cát (cộng đồng người dân tộc Thổ), khu vực các thác xã Thanh Quân, Thanh Sơn...

c) Các tuyến du lịch

Hình thành các tuyến du lịch kết nối trong và ngoài tỉnh, bao gồm:

- Tuyến du lịch liên tỉnh: Tuyến: Hà Nội - Hòa Bình –huyện Thạch Thành (thác Mây, hang Con Moong) - huyện Cẩm Thủy (suối cá thần Cẩm Lương) – huyện Thường Xuân (khu BTTN Xuân Liên, hồ Cửa Đạt) – huyện Thọ Xuân (khu DTLS Lam Kinh) – huyện Như Xuân – tỉnh Nghệ An và các tỉnh phía Nam (theo tuyến đường Hồ Chí Minh).

- Tuyển du lịch nội tỉnh:

+ Tuyển: Sầm Sơn – thành phố Thanh Hóa – Khu du lịch suối nước khoáng nóng Quảng Yên huyện Quảng Xương – khu DLST nghỉ dưỡng cao cấp Bến En huyện Như Thanh – huyện Như Xuân – các huyện miền Tây tỉnh Nghệ An (theo tuyến QL45 và QL 45 kéo dài).

+ Tuyển: Thành phố Nghi Sơn - khu DLST hồ Yên Mỹ - huyện Như Xuân - các huyện miền tây tỉnh Nghệ An (theo đường Nghi Sơn Bãi Trành và Quốc lộ 48).

- Tuyển du lịch nội huyện: Hình thành tuyến du lịch nội huyện dọc theo dải cảnh quan sinh thái, kết nối Khu DL sinh thái cộng đồng xã Tân Bình, Bình Lương – Thiên tự Yên Cát – đình Thi – Thác Đồng Quan – Đền Chín Gian – Thác Cổng Trời – Khu DLST hồ Bản Mòng – khu tham quan du lịch nông nghiệp xã Xuân Hòa, Xuân Bình, Bãi Trành – Khu DLST hồ Đồng Cầm, hang Kẽm (theo tuyến ĐT 520C, 520D, 520B và các tuyến dọc theo ranh giới VQG Bến En).

4.3.3. Định hướng phát triển các công trình hạ tầng xã hội

a) Hệ thống công trình Y tế:

- Di chuyển, xây dựng mới Bệnh viện đa khoa thị trấn Yên Cát (dự kiến chuyển vị trí về phía Tây đường Hồ Chí Minh) với quy mô khoảng 300 giường, diện tích khoảng 2,4ha – 3ha.

- Bố trí bệnh viện đa khoa ngoài công lập tại khu đô thị Bãi Trành với quy mô khoảng 100-150 giường, diện tích khoảng 1-2ha.

- Bổ sung phòng khám đa khoa khu vực tại xã Thanh Xuân để phục vụ cho khu vực các xã phía Tây huyện có điều kiện đi lại khó khăn.

- Khuyến khích phát triển các phòng khám đa khoa ngoài công lập tại các khu vực đô thị.

b) Hệ thống công trình Giáo dục:

- Ôn định các cơ sở giáo dục cấp huyện như trường THPT, THCS dân tộc nội trú, trung tâm GDNN-GDTX hiện có, từng bước cải thiện cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng đào tạo và tăng thêm lớp học tùy theo nhu cầu thực tế.

- Hệ thống giáo dục cấp xã được sắp xếp theo lộ trình, phù hợp với sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã.

- Khuyến khích phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập, đặc biệt ở khối mầm non và trường liên cấp tại các khu vực đô thị, trung tâm cụm xã.

c) Hệ thống công trình hành chính, văn hóa - thể thao:

Các công trình văn hóa, thể thao cấp huyện được bố trí tại khu vực thị trấn Yên Cát theo quy định tại Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT ngày 09/2/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau:

- Các cơ sở văn hóa cấp huyện, bao gồm: Trung tâm văn hóa: diện tích khoảng 0,5 - 1ha; Cung thiếu nhi: diện tích khoảng 0,3 - 0,4ha; Cung văn hóa lao động: diện tích khoảng 0,3 - 0,4ha; Rạp chiếu phim: diện tích khoảng 0,15 - 0,3ha; Thư viện: diện tích khoảng 0,05 - 0,1ha.

- Các cơ sở thể dục thể thao cấp huyện, bao gồm: Sân vận động: diện tích khoảng 2,5 - 3ha; Cơ sở thể dục thể thao (Theo quy định tại Điều 54 Luật Thể dục Thể thao): diện tích khoảng 0,2 - 0,3ha; Nhà thi đấu và nhà tập luyện đa năng: diện tích khoảng 0,45 - 0,5ha; Bể bơi: diện tích khoảng 0,25 - 0,3ha.

4.3.4. Hệ thống công trình thương mại dịch vụ:

- Hệ thống chợ: Bố trí 05 chợ trên địa bàn huyện, trong đó tại thị trấn Yên Cát là chợ hạng 2 và 04 chợ hạng 3 tại các xã: Thượng Ninh, Bãi Trành, Thanh Quân, Xuân Hòa. Giai đoạn sau năm 2030, tại mỗi xã bố trí 01 chợ để phục vụ nhu cầu người dân trên địa bàn.

- Hệ thống trung tâm thương mại: giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn huyện Như Xuân có 01 trung tâm thương mại hạng 3 tại thị trấn Yên Cát, giai đoạn sau năm 2030 bổ sung thêm 04 TTTM hạng 3 tại các khu vực: đô thị Bãi Trành và các xã Thượng Ninh, Hóa Quỳ, Xuân Hòa.

- Ngoài ra các điểm thương mại dịch vụ cấp huyện khác được bố trí tại các đô thị và một số vị trí dọc các tuyến đường như: đường Hồ Chí Minh, QL45, Nghi Sơn - Bãi Trành, các điểm giao giữa các tuyến đường chính.

5. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

5.1. Định hướng phát triển giao thông

a) Quốc lộ:

Tuân thủ theo Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, cụ thể như sau:

- Đường Hồ Chí Minh: Quy hoạch sau 2030 đường Hồ Chí Minh sẽ là đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Tây: được quy hoạch qua tỉnh Thanh Hóa

với quy mô tối thiểu 6 làn xe. Đây sẽ là tuyến đường giao thông huyết mạch của quốc gia, tạo mối liên hệ tốt giữa Thanh Hóa với các tỉnh Đồng bằng Bắc Bộ và các tỉnh phía Nam.

- Quốc lộ 45: thuộc nhóm Quốc lộ chính yếu, quy hoạch kéo dài tuyến theo đường Yên Cát – Thanh Quân – Bù Cầm kết nối với QL48 tại huyện Quế Phong tỉnh Nghệ An, quy mô cấp III-IV, 2-4 làn xe.

- Đường Nghi Sơn – Bãi Trành: thuộc nhóm Quốc lộ thứ yếu, quy hoạch quy mô cấp III-IV, 2-4 làn xe.

b) Quy hoạch hệ thống đường tỉnh:

Quy hoạch các tuyến đường tỉnh trên địa bàn huyện đến năm 2030 đạt quy mô đường cấp IV, đến năm 2045 đạt quy mô đường cấp III, bao gồm:

- Đối với các tuyến hiện có:

+ Các tuyến Đường tỉnh 520B (Xuân Quỳnh - Thanh Quân), Đường tỉnh 520C (Yên Cát - Xuân Khang), Đường Cơ động Cát Vân - Xuân Thắng (Thường Xuân), Đường Cơ động Cát Tân - Xuân Thắng (Thường Xuân) quy hoạch đạt quy mô đường cấp III.

+ Đường tỉnh 514 (Cầu Thiều - Thượng Ninh) quy hoạch kéo dài đến ĐT 520D quy hoạch đạt quy mô đường cấp III.

+ Tuyến đường tỉnh 520D (Yên Cát - Thanh Quân) được nâng cấp lên thành tuyến Quốc lộ 45 kéo dài, quy hoạch đạt quy mô đường cấp III.

- Các tuyến bổ sung mới:

+ Tuyến đường Tây Thanh Hóa đi KKT Nghi Sơn: tuân thủ định hướng quy hoạch giao thông toàn tỉnh. Đoạn qua huyện Như Xuân đi trùng với tuyến đường tỉnh hiện có là Đường cơ động Cát Tân- Xuân Thắng (Thường Xuân) theo QL45 kéo dài đi đường Hồ Chí Minh theo đường Nghi Sơn Bãi Trành đi KKT Nghi Sơn.

+ Tuyến đường Yên Cát - Bãi Trành: trên cơ sở tuyến Hóa Quỳnh - Bãi Trành đã có quy hoạch giao thông toàn tỉnh, kéo dài đến thị trấn Yên Cát nhằm kết nối hai đô thị của huyện. Tổng chiều dài tuyến 27,4km, bao gồm một số đoạn đi trùng với các tuyến đường xã và một số đoạn mở mới.

+ Quy hoạch mới tuyến theo hướng Bắc Nam từ huyện Thường Xuân (Đường tỉnh 519B) đi Thanh Xuân – Thanh Lâm – Thanh Hòa (theo tuyến đường khai thác lâm sản hiện có) đi tỉnh Nghệ An có chiều dài 44,2km.

Trong đó giai đoạn trước mắt nâng cấp đoạn đường Hóa Quý - Thanh Xuân, tổng chiều dài khoảng L=15,4km (điểm đầu giao với đường tỉnh 520B; điểm cuối giao với đường tỉnh 520D).

+ Đường Hoá Quý - Cát Vân, tổng chiều dài khoảng 16km (điểm đầu giao với đường Hồ Chí Minh; điểm cuối giao với đường tỉnh 520D).

+ Đường từ xã Thanh Quân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa đi xã Châu Hội và Châu Thuận, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An, chiều dài khoảng 12km (điểm đầu tại điểm cuối đường tỉnh 520B, điểm cuối giáp ranh tỉnh Nghệ An).

+ Đường từ xã Thanh Quân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa đi xã Châu Nga, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An, chiều dài khoảng 7km (điểm đầu tại đường tỉnh 520B, điểm cuối giáp ranh tỉnh Nghệ An).

c) Quy hoạch hệ thống đường huyện:

Các tuyến đường huyện hiện có xem xét tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp đến năm 2030 đạt tối thiểu tiêu chuẩn đường cấp V miền núi; đến năm 2045 đạt tiêu chuẩn đường cấp IV

Quy hoạch thêm 5 tuyến đường huyện mới, bao gồm:

- Đường từ Thanh Xuân đi Thanh Phong, chiều dài tuyến khoảng 5km.

- Đường từ xã Thượng Ninh đi huyện Như Thanh: Điểm đầu từ đường Hồ Chí Minh (thôn Xuân Thượng, xã Thượng Ninh); điểm cuối tại thôn Đồng Ngán (xã Thượng Ninh); Nâng cấp tuyến từ tuyến đường xã hiện có; chiều dài tuyến khoảng 16,5km.

- Đường từ Thượng Ninh đi Hóa Quý: chiều dài tuyến khoảng 7,6km;

- Tuyến đường từ Cát Vân - Hóa Quý- Tân Bình: Chiều dài tuyến khoảng 20,9km.

- Tuyến đường Xuân Hòa – Xuân Bình: Chiều dài tuyến khoảng 19,7km.

d) Bến xe khách:

Trên địa bàn huyện quy hoạch 03 bến xe, bao gồm: Bến xe Yên Cát (loại IV); Bến xe Bãi Trành (Loại V); Bến xe Thanh Quân (Loại V).

e) Bến thủy nội địa:

Trên địa bàn huyện Như Xuân, các tuyến sông ngấn và dốc, khó có khả năng khai thác vận tải đường thủy, chủ yếu khai thác mặt hồ sông mực để vận

tải du lịch. Hồ Sông Mực có diện tích mặt thoáng trên 30,0km², quy hoạch 02 bến thủy nội địa trên địa bàn huyện bao gồm: bến khai thác du lịch lòng hồ Bến En, dự kiến tại khu vực xã Tân Bình và bến khu vực vùng ngập xã Thanh Hòa (thuộc dự án hồ thủy điện Bản Mòng) kết nối với khu vực tỉnh Nghệ An.

5.2. Định hướng chuẩn bị kỹ thuật

Vùng huyện Như Xuân chủ yếu thoát nước dựa vào địa hình tự nhiên. Do đó, quy hoạch thoát nước vùng này chủ yếu là nạo vét các lòng sông, suối, kênh, mương tự nhiên để tăng khả năng thoát nước. Di dân khỏi các vùng ngập lụt và phạm vi để thực hiện dự án thủy điện Bản Mòng (tỉnh Nghệ An).

Đối với các vùng đô thị và điểm dân cư nông thôn xây dựng các tuyến kênh mương nắp đan thoát nước dọc các tuyến đường và dẫn về hệ thống kênh mương thoát nước chung của toàn huyện.

Cao độ xây dựng không chế cho các khu vực xây dựng mới xác định theo từng khu vực đô thị, khu dân cư theo quy hoạch chung được duyệt.

5.3. Định hướng cấp nước

Nhu cầu cấp nước toàn huyện đến năm 2030 khoảng 13.200 m³/ngđ; đến năm 2045 khoảng 23.000 m³/ngđ.

- Công trình cấp nước: Đến năm 2045, bố trí 03 nhà máy cấp nước trên địa bàn huyện như sau:

+ Nhà máy nước thị trấn Yên Cát với công suất 8.000 m³/ngđ, cấp cho khu vực thị trấn Yên Cát và các xã Cát Vân, Cát Tân, Thượng Ninh, một phần xã Hóa Quỳ, Bình Lương, Tân Bình. Trước mắt sử dụng nguồn nước từ các hồ đập lân cận. Về lâu dài, đề xuất xây dựng mới đường ống nước thô từ hồ Sông Mực về cấp cho nhà máy.

+ Nhà máy nước Bãi Trành với công suất 12.000 m³/ngđ, cấp cho khu vực đô thị Bãi trành (xã Bãi Trành và Xuân Bình) và KCN, CCN Bãi Trành. Nguồn nước thô từ hồ Đồng Càn, được bổ sung nguồn nước thô từ hồ Yên Mỹ và hồ sông Mực.

+ Nhà máy nước Hóa Quỳ với công suất 3.000 m³/ngđ, cấp cho khu vực xã Xuân Hòa và một phần xã Hóa Quỳ (xã Xuân Quỳ cũ), nguồn nước từ sông Chàng.

- Tại các khu vực vùng sâu, xa bố trí các điểm tập trung nước phục vụ cấp nước hợp vệ sinh cho người dân. Khi hoàn thành dự án hồ thủy điện Bản Mòng, nghiên cứu sử dụng nguồn nước để cấp cho các xã lân cận.

5.4. Định hướng cung cấp năng lượng, viễn thông.

5.4.1. Cung cấp năng lượng

- Nhu cầu cấp điện: Đến năm 2045 khoảng 99,0 MVA.

- Nguồn cấp điện: Đến năm 2045, nguồn cấp điện cho huyện Như Xuân lấy từ trạm 220KV Nông Công qua lưới điện 110KV và trạm 110KV Bãi Trành.

- Trạm biến áp:

+ Đến năm 2030: Giữ nguyên công suất trạm biến áp 110KV Bãi Trành (tại xã Hóa Quỳ), với quy mô 2 máy biến áp, công suất 2x40MVA.

+ Giai đoạn 2031-2045: nâng công suất trạm biến áp 110KV Bãi Trành với công suất 2x63MVA.

- Lưới điện:

Khu vực các xã nông thôn sử dụng đường dây nổi. các tuyến đường dây 35KV và 22KV hiện có vẫn được giữ nguyên. Cấp điện cho các trạm biến áp phụ tải khu vực trung tâm huyện, khu đô thị khuyến khích sử dụng cáp ngầm. Cấp điện khu dân cư ngoại thị, cụm công nghiệp, sử dụng đường dây trên không có bọc cách điện.

5.4.2. Hạ tầng viễn thông thụ động:

- Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng: Tiếp tục duy trì nâng cấp khung trang các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng tại các Bru cục cấp II, cấp III, điểm BĐ-VH xã, điểm giao dịch Trung tâm viễn thông huyện, điểm giao dịch Viễn thông Viettel, điểm giao dịch Mobifone đáp ứng nhu cầu cung cấp các dịch vụ bưu chính, viễn thông công cộng phục vụ cấp ủy Đảng, Chính quyền và nhu cầu sử dụng dịch vụ của nhân dân trên địa bàn.

- Trạm viễn thông:

+ Trạm chuyển mạch cố định, truy nhập Internet cố định: Trạm chính (trạm nút) tại thị trấn Yên Cát Giữ nguyên tại vị trí như hiện tại. Đầu tư nâng cấp các trạm truy nhập quang hiện có, đầu tư xây dựng mới các trạm truy nhập quang tại các khu đô thị mới, Khu công nghiệp, cụm công nghiệp mới, đáp ứng nhu cầu cung cấp dịch vụ viễn thông, Internet.

+ Trạm phát sóng thông tin di động: Đầu tư xây dựng mới các cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động tại khu vực dân cư hiện hữu và các khu dân cư mới. Số lượng, vị trí các trạm BTS sẽ được tính toán và bố trí cụ thể ở các

bước tiếp theo (quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung xây dựng xã, quy hoạch chi tiết xây dựng).

- Hạ tầng mạng cáp viễn thông:

+ Nâng cấp dung lượng các tuyến cáp quang nội tỉnh từ các trạm HOST đến trạm chính đặt tại thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân và từ trạm chính đặt tại thị trấn đến các trạm vệ tinh lắp đặt tại các xã, các đô thị.

+ Đối với các tuyến đường mới, đầu tư xây dựng mới các tuyến cáp dọc theo các tuyến đường.

+ Đối với các hệ thống cáp viễn thông hiện hữu, thực hiện cải tạo, chỉnh trang đảm bảo mỹ quan và an toàn cho người dân theo lộ trình: Loại bỏ các đường dây cáp, sợi cáp không còn sử dụng; Thực hiện bó gọn, gia cố hệ thống dây cáp; Hạ ngầm các tuyến cáp treo thuộc các khu vực, tuyến hướng theo quy hoạch phải ngầm hóa mạng cáp; Hạ ngầm các tuyến cáp treo tại các ngã tư, nút giao thông và tuyến cáp cắt ngang qua đường giao thông.

- Nhu cầu sử dụng đất cho các công trình viễn thông thu động: Diện tích 01 trạm viễn thông xây dựng mới là: $\geq 200 \text{ m}^2$; Diện tích xây dựng cột ăng ten: $\geq 80 \text{ m}^2$.

5.5. Định hướng thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

5.5.1. Định hướng thoát nước thải:

- Tại các khu vực đô thị phải được bố trí hệ thống xử lý nước thải tập trung, vị trí và công suất được tính toán cụ thể trong các đồ án quy hoạch chung đô thị được duyệt.

- Tại các cụm công nghiệp, khu du lịch khi thực hiện dự án phải được bố trí hệ thống xử lý nước thải đảm bảo cho toàn khu.

- Khu vực nông thôn: xây dựng hệ thống mương thoát nước nắp đan. Nước thải được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại trong mỗi hộ gia đình sau đó thoát vào mương thoát nước chung với nước mưa.

5.5.2. Định hướng quy hoạch chất thải rắn:

- Giai đoạn đến năm 2030 Bố trí khu xử lý CTR tại thị trấn Yên Cát với quy mô 5,1ha, công suất 70 tấn/ngày, công nghệ đốt. Đến năm 2045, nâng công suất nhà máy xử lý CTR lên công suất 150 tấn/ngđ cho phù hợp với nhu cầu tính toán trên toàn huyện.

- Bố trí 02 trạm trung chuyển CTR tại xã Thanh Xuân và Bãi Trành, tại các xã bố trí các điểm tập kết CTR để thu gom trung chuyển CTR cho các vùng để vận chuyển về khu xử lý tập trung của huyện.

5.5.3. Định hướng quy hoạch nghĩa trang:

- Xây dựng nghĩa trang nhân dân tập trung cấp huyện tại khu vực thị trấn Yên Cát với quy mô khoảng 10ha.

- Quy hoạch các nghĩa trang tập trung cấp xã đảm bảo các tiêu chuẩn hiện hành với tiêu chí mỗi xã bố trí 01 nghĩa trang tập trung, trừ những xã vùng núi có điều kiện địa hình khó khăn và dân cư không tập trung.

Đối với các nghĩa trang phân tán: các nghĩa trang có quy mô nhỏ, không đủ khoảng cách ly, hoặc nằm trong quy hoạch sử dụng đất phải có kế hoạch đóng cửa, trồng cây xanh cách ly, khi có nhu cầu chôn cất có thể sửa dụng nghĩa trang tập trung cấp xã. Các nghĩa trang còn lại nếu đảm bảo đủ điều kiện theo quy chuẩn sẽ được mở rộng diện tích với quy mô phù hợp để tiết kiệm đất đai.

5.6. Định hướng hệ thống thủy lợi và phòng chống thiên tai

- Định hướng thủy lợi:

Nguồn cấp nước chủ yếu từ các hồ đập nhỏ trên địa bàn huyện. Nâng cấp 23 công trình tưới cho 960ha (tăng 490ha) và xây mới 18 công trình tưới cho 1025ha (trong đó diện tích mía, cỏ là 860ha. Nghiên cứu xây dựng hệ thống thủy lợi với nguồn nước từ hồ thủy điện Bản Mòng (tỉnh Nghệ An) để cấp nước cho các vùng nông nghiệp tập trung quy mô lớn của huyện.

- Định hướng phòng chống thiên tai:

Thực hiện theo Đề án sắp xếp, ổn định dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất tại các huyện miền núi của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4845/QĐ-UBND ngày 01/12/2021, trên địa bàn huyện Như Xuân bao gồm các loại hình xen ghép và tái định cư liền kề.

6. Đánh giá môi trường chiến lược

Các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các vấn đề môi trường:

- Phát triển và mở rộng các đô thị trong vùng gồm các đô thị: thị trấn Yên Cát; đô thị Bãi Trành cần chú ý các tác động rủi ro môi trường do quá trình xây dựng, đô thị hóa.

- Đối với các cụm công nghiệp trong vùng: cần tính toán kỹ các giải pháp thoát nước cho mỗi khu và xây dựng hệ thống thoát riêng đối với nước thải và nước mưa, phải có các giải pháp kỹ thuật như: lắp đặt hệ thống thông gió tại các khu vực sản xuất, đầu tư các trang thiết bị xử lý ô nhiễm ngay khi các doanh nghiệp đi vào hoạt động.

- Kiểm soát chặt chẽ vấn đề môi trường trong phạm vi vùng sinh thủy lòng hồ sông Mực, các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường trước khi đi vào hoạt động phải đảm bảo đầy đủ các điều kiện về bảo vệ môi trường.

7. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư đến năm 2030

a) Nhóm dự án về lập quy hoạch:

- Lập mở rộng điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng các đô thị (thị trấn Yên Cát, đô thị Bãi Trành), nguồn vốn ngân sách huyện.

- Lập quy hoạch chung xây dựng các xã bằng nguồn vốn ngân sách xã và huyện hỗ trợ.

b) Nhóm dự án về công trình hạ tầng xã hội:

Các dự án đầu tư theo chương trình xây dựng nông thôn mới, hạ tầng xã hội như: hành chính – chính trị, giáo dục, y tế, văn hóa, công viên, thể dục thể thao, Sắp xếp, ổn định dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất ... từ nguồn vốn ngân sách và huy động hợp pháp khác.

c) Nhóm dự án hạ tầng kỹ thuật:

Ưu tiên đầu tư hệ thống giao thông để kết nối các khu vực, đặc biệt là các tuyến có vai trò liên kết các vùng trong huyện, với các huyện lân cận như: nâng cấp các tuyến đường đối ngoại kết nối sang huyện Thường Xuân, tỉnh Nghệ An, nâng cấp mở rộng ĐT 514 thành tuyến chính để kết nối huyện với đường bộ cao tốc và TP Thanh Hóa, tuyến kết nối Thanh Xuân – Thanh Phong, tuyến đường ven sông Chàng, tuyến đường ven núi Bù Mùn.... Xây dựng hệ thống cấp nước, cấp điện, xử lý nước thải...

d) Nhóm dự án về các khu chức năng:

- Lĩnh vực công nghiệp: đầu tư hạ tầng khu công nghiệp Bãi Trành, cụm công nghiệp Xuân Hòa, Thượng Ninh, Bãi Trành. Thu hút các dự án công nghiệp tập trung vào lĩnh vực chế biến nông lâm sản, các loại hình công nghiệp sử dụng nhiều lao động.

- Lĩnh vực thương dịch vụ, du lịch: xây dựng hệ thống chợ, TTTM, hạ tầng du lịch tại các khu, điểm du lịch, các khu du lịch sinh thái, cộng đồng...

Điều 2. Tổ chức thực hiện**1. UBND huyện Như Xuân có trách nhiệm:**

- Phối hợp với đơn vị tư vấn hoàn chỉnh hồ sơ để xuất bản, đóng dấu, lưu trữ theo quy định.
- Phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan tổ chức công bố rộng rãi nội dung quy hoạch được duyệt trong thời gian 15 kể từ ngày quy hoạch được phê duyệt.
- Tổ chức bàn giao hồ sơ, tài liệu quy hoạch cho địa phương, các đơn vị liên quan làm cơ sở để quản lý và tổ chức thực hiện theo quy hoạch được duyệt.
- Tổ chức, chỉ đạo chính quyền địa phương quản lý chặt chẽ, thực hiện đầu tư quỹ đất theo quy hoạch được duyệt.
- Lập chương trình, dự án ưu tiên đầu tư hàng năm và dài hạn, xác định các biện pháp thực hiện quy hoạch xây dựng trên cơ sở huy động mọi nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước bằng các cơ chế chính sách theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Sở Xây dựng và các ngành chức năng liên quan theo chức năng nhiệm vụ của mình có trách nhiệm hướng dẫn, quản lý thực hiện theo quy hoạch và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Như Xuân; Viện trưởng Viện Quy hoạch - Kiến trúc Thanh Hóa và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 Quyết định;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Các đ/c Ủy viên UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, CN.
- H4.(2022)QDPD QH VH N Xuan

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Mai Xuân Liêm